

Số: 248/QĐ-ATTP

Hung Yên, ngày 21 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Xét đề nghị của Tổ thẩm định tại Biên bản số 49/BB-ATTP ngày 21/10/2022 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên về việc thẩm định, soát xét, đánh giá hồ sơ đăng ký Bản công bố sản phẩm.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm đối với 04 sản phẩm thực phẩm của Công ty Cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic. Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (Có giấy tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm kèm theo).

**Điều 2.** Văn Phòng có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng, cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và cơ sở thực phẩm có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.

**CHI CỤC TRƯỞNG**



**Đỗ Mạnh Hùng**

Hung Yên, ngày 21 tháng 10 năm 2022

**GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 238/2022/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic.

Địa chỉ cơ sở: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Cho sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung Dr.Orgamax Pedia BA.

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic.

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn: QCVN 11-3:2012/BYT “Quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi”.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Website: [antoanthucphamhungyen.vn](http://antoanthucphamhungyen.vn);
- Lưu trữ: VP./.

**CHI CỤC TRƯỞNG**



**Đỗ Mạnh Hùng**

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 99 – Dr.Orgamax Pedia BA/2022

### I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0389948784

Mã số doanh nghiệp: 0108117821 Sở Kế hoạch và đầu tư Hưng Yên cấp ngày 09/9/2021

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNĐK.

Ngày cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm Tỉnh Hưng Yên.

### II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung

**Dr.Orgamax Pedia BA** (Dành cho trẻ từ 1 - 16 tuổi).

#### 2. Thành phần trong 100g sản phẩm:

Sữa bột béo (16.3g), Chất đạm whey cô đặc (Protein: 12g), Đường (Lactose, Dextrose, Maltodextrin) (50g), Chất xơ hòa tan (FOS: 1.02g), Enzyme (Protease, Amylase, Cellulase, Lipase, Lactase), Acid linoleic (1420mg), L-Lysine HCL (489.27mg), Kali iodua (390mg), Canxi Carbonate (477mg), Phospho Phosphate (477mg), Clorid (320mg), Natri Selenit (180mg), HMO (2-Fucosyllactose) (102mg), Sữa non (Colostrum: 77000mcg), Magie Phosphate (66.14mg), Vitamin A (1180IU), Vitamin C (40mg), DHA (32mg), Taurin (27mg), Choline (26.32mg), Vitamin E (9.4mg), Vitamin D3 (201IU), Sắt Sulphate (7.31mg), Kẽm Sulphate (3.28mg), Vitamin B5 (Axit Pantothenic) (1350mcg), Vitamin B3 (1200.1mcg), Vitamin B2 (420mcg), Vitamin B1 (250mcg), Vitamin B6 (200mcg), Bột yến sào (100mcg), Iod (82mcg), Bột óc chó (50mcg), Acid folic (30mcg), Vitamin K2 (MK7:



20mcg), Biotin (Vitamin H: 12mcg), Mangan sulphate (11mcg), Selen (8mcg), Vitamin B12 (1.14mcg). Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.

**3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe).**

**4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì.
- Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

**5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì.**

**5.1. Quy cách đóng gói:**

- Đóng lon: 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon.
- Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g.
- Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**5.2. Chất liệu bao bì:**

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (Polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

**6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

- Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**
- Địa điểm: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu dự thảo nhãn sản phẩm)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

2)  
Y  
AN  
ON  
C  
IANI  
HUN  
Y  
CHI CU  
TOAN VE  
HUC PH  
H HUN

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP Quy định về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 100/2014/NĐ-CP Quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo;
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;
- QCVN 11-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung cho trẻ từ 6 đến 36 tháng tuổi.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hưng Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2022

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)

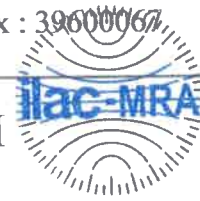


GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Thị Anh Phương*







BN: 220808-006/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2208373

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
*Analytical Results*

**Tên mẫu / Sample name :** Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung Dr.Orgamax Pedia BA (Dành cho trẻ từ 1- 16 tuổi)

**Khách hàng / Client :** CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

**Địa chỉ / Address :** Thôn Đỗ Mỹ, Xã Bãi Sậy, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên

**Mô tả mẫu / Sample description :** Mẫu dạng bột đựng trong bao bì kín

**Nền mẫu / Matrix :** Sản phẩm dinh dưỡng công thức với mục đích ăn bổ sung Dr.Orgamax Pedia BA (Dành cho trẻ từ 1- 16 tuổi)

**Số lượng mẫu / Number of sample:** 01

**Ngày nhận mẫu / Date of sample received :** 08/08/2022

**Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery:** 17/08/2022

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2208373	Arsen (As) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) <sup>(*)</sup>	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M <sub>1</sub>	KPH	0.025	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Aflatoxin B <sub>1</sub>	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
Patulin	KPH	1.0	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018	

BN: 220808-006/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2208373

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
*Analytical Results*

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2208373	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Fumonisin	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Melamin	KPH	1.0	mg/kg	Ref. TCVN 9048-2012
	Enterobacteriaceae (*)	KPH	10	CFU/g	ISO 21528 -- 2:2017
	Enterobacter sakazakii (Cronobacter sakazakii)	KPH	-	/25g	TCVN 7850:2018
	Salmonella (*)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017



**Ghi chú/Note :** Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên/ *The results only valid for the sample encoded as above*

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / *The results shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director*

- (\*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025

- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / *The parameters tested by subcontractor*

- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / *Lab approved by Ministry of Health*

- LOD: Giới hạn phát hiện/ *Limit of detection.*

KPH : không phát hiện/ *Not detected*

**Phụ trách phòng thí nghiệm**

*Officer in charge of laboratory*

**ThS. Nguyễn Thanh Tân**



**TS. Hoàng Kim Phương**